

PHỤ LỤC 03:

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Đính kèm Tờ trình số: 196/2021/TTr-HDQT ngày 07/04/2021 của Hội đồng Quản trị)

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
1.	<p>Căn cứ pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> — Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13; — Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; - Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; 	<p>Căn cứ pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14; - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán; - Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán; - Thông tư 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành; 	<p>Cập nhật các văn bản pháp luật có hiệu lực.</p>
2.	<p>Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị</p>	<p>Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị</p>	<p>Khoản 7 Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>



STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
	4.4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc; Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của HĐQT.	4.4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc; Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị , Thư ký HĐQT và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của HĐQT.	
3.	Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị 4.24. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập.	Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị 4.24. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập trong trường hợp được ĐHĐCĐ ủy quyền.	Điểm m khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020 Khoản 1 Điều 57 Phụ lục I (Điều lệ mẫu) ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
4.	Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 6.11. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Ngân hàng.	Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị 6.11. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử	Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
		lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.	
5.	<p>Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị</p> <p><i>Chưa quy định</i></p> <p>7.12.—Nhiệm vụ và quyền hạn khác của Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Pháp luật.</p>	<p>Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị</p> <p>7.12. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các tổ chức khác.</p> <p>7.13. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ (nếu có) với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần</p>	Bổ sung theo Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
		<p>nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>7.14. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.</p> <p>7.15. Nhiệm vụ và quyền hạn khác của Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Pháp luật.</p>	
6.	<p>Điều 15. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</p> <p>15.2. Cuộc họp bất thường của HĐQT được tiến hành theo đề nghị của:</p> <p>f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng;</p>	<p>Điều 15. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</p> <p>15.2. Cuộc họp bất thường của HĐQT được tiến hành theo đề nghị của:</p> <p>f. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) số cổ phần phổ thông</p>	Phù hợp với quy định tại Điều lệ Ngân hàng
7.	<p>Điều 15. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</p> <p>15.12. Biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT:</p> <p>...</p> <p>d. Bất kỳ thành viên HĐQT nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó;</p>	<p>Điều 15. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị</p> <p>15.12. Biểu quyết tại các cuộc họp HĐQT:</p> <p>...</p> <p>d. Bất kỳ thành viên HĐQT nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó;</p>	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020
8.	<p>Điều 16. Biên bản họp Hội đồng Quản trị</p> <p>16.1. Các nội dung liên quan đến Biên bản họp</p>	<p>Điều 16. Biên bản họp Hội đồng Quản trị</p> <p>16.1. Các nội dung liên quan đến Biên bản họp</p>	Khoản 1 và khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
	<p>HDQT thực hiện theo quy định như sau:</p> <p>a. Các cuộc họp của HDQT phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;</p> <p>(ii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>(iii) Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>(iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>(v) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>(vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>(vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>(viii) Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>(ix) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.</p> <p>b. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên</p>	<p>HDQT thực hiện theo quy định như sau:</p> <p>a. Các cuộc họp của HDQT phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;</p> <p>(ii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>(iii) Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>(iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>(v) Các vấn đề được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>(vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>(vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>(viii) Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>(ix) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.</p> <p>b. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HDQT. Trưởng họp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký</p>	

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
	bản họp HĐQT;	biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này (trừ tiết (ix)) thì biên bản này có hiệu lực.	
9.	<p>Điều 16. Biên bản họp Hội đồng Quản trị</p> <p>16.1. Các nội dung liên quan đến Biên bản họp HĐQT thực hiện theo quy định như sau:</p> <p>a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;</p> <p>(ii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>(iii) Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>(iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>(v) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p>	<p>Điều 16. Biên bản họp Hội đồng Quản trị</p> <p>16.1. Các nội dung liên quan đến Biên bản họp HĐQT thực hiện theo quy định như sau:</p> <p>a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;</p> <p>(ii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>(iii) Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>(iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>(v) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc</p>	Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
	<p>(vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>(vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>(viii) Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>(ix) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.</p> <p>b. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT;</p> <p>c. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Ngân hàng.</p> <p>16.2. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.</p>	<p>hợp;</p> <p>(vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>(vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>(viii) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>(ix) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.</p> <p>b. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT, Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a khoản 16. 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>c. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.</p> <p>16.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ</p>	

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
		chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các tiết i, ii, iii, iv, v, vi, vii, và viii điểm a khoản 16.1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	
10.	Chưa có quy định	<p>Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị</p> <p>22.1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.</p> <p>22.2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.</p> <p>22.3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các</p>	Điều 21 Phụ lục I (Điều lệ mẫu) ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

STT	QUY ĐỊNH HIỆN TẠI <i>(Nội dung abe là những nội dung lược bỏ)</i>	ĐỀ XUẤT CHỈNH SỬA <i>(Nội dung in đậm là nội dung được bổ sung)</i>	CĂN CỨ, LÝ DO
		thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.	
11.	Chưa có quy định	Điều 23. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng Quản trị với Ban điều hành Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết đề TGD và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.	Điều 22 Phụ lục I (Điều lệ mẫu) ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.
12.	Chưa có quy định	Điều 24. Mỗi quan hệ giữa Hội đồng Quản trị với Ban Kiểm soát 24.1. Mỗi quan hệ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ. 24.2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.	Điều 23 Phụ lục I (Điều lệ mẫu) ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.